

-(으)ㄹ 것이다

sẽ, có lẽ sẽ — dạng văn viết

Dạng đầy đủ đứng sau -(으)ㄹ 거예요. Cùng ngữ pháp, văn phong trang trọng: đây là dạng bạn đọc thấy trong báo cáo, tin tức và văn bản học thuật.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ 것이다	가다 → 갈 것이다
Kết thúc bằng phụ âm	-을 것이다	먹다 → 먹을 것이다
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들 것이다
Lời nói trang trọng	-(으)ㄹ 것입니다 / 겠니다	갈 것입니다
Hội thoại	-(으)ㄹ 거예요	갈 거예요
Phòng đoán quá khứ	-았/었을 것이다	갔을 것이다

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng ngắn cho ㄹ: 만들다 thành 만들 것이다. 것 là danh từ nên phải viết cách ra.

Thang văn phong như sau: -(으)ㄹ 거예요 trong hội thoại, -(으)ㄹ 겁니다 trong lời nói trang trọng, -(으)ㄹ 것입니다 trong lời nói trang trọng cẩn thận, và -(으)ㄹ 것이다 trong văn viết không hướng đến người nghe.

Nghĩa phân chia theo chủ ngữ giống hệt 거예요. Ngôi thứ nhất là ý định; ngôi thứ ba là dự đoán. Trong văn viết tin tức, nghĩa dự đoán chiếm ưu thế: 내일부터 기온이 떨어질 것이다.

Với việc đã xong, quá khứ nằm bên trong: -았/었을 것이다.

Ví dụ trong câu

1 내일부터 기온이 크게 떨어질 것이다.

Từ ngày mai nhiệt độ sẽ giảm mạnh.

2 이 정책은 경제에 영향을 줄 것이다.

Chính sách này sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế.

3 회의는 예정대로 진행될 것입니다.

Cuộc họp sẽ diễn ra theo đúng lịch trình.

4 그 회사는 새 제품을 만들 것이다.

Công ty sẽ sản xuất sản phẩm mới.

5 그는 이미 소식을 들었을 것이다.

Chắc anh ấy đã nghe tin rồi.

6 앞으로도 계속 노력할 것입니다.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức.

So sánh với

-(으)ㄹ 거예요
Ngữ pháp giống hệt, khác văn phong. Chọn cái nào là vấn đề câu xuất hiện ở đâu, không phải nghĩa của nó.
갈 거예요. (văn nói) / 갈 것이다. (văn viết)

-겠-
Cả hai đều xuất hiện trong ngữ cảnh trang trọng, nhưng -겠습니다 tuyên bố quyết tâm của chính người nói, còn -(으)ㄹ 것입니다 nêu kế hoạch hoặc dự báo.
최선을 다하겠습니다. (tôi xin cam kết) / 계속 노력할 것입니다. (chúng tôi sẽ tiếp tục)

-(으)ㄹ 것 같다
Cùng dạng bổ nghĩa, khác phần kết. 것이다 khẳng định; 것 같다 rào đón. Văn viết tin tức dùng dạng đầu, hội thoại nghiêng về dạng sau.
비가 올 것이다. (trời sẽ mưa) / 비가 올 것 같아요. (tôi nghĩ trời sẽ mưa)

Lưu ý

- ✗ 새 제품을 만들을 것이다.
- 새 제품을 만들 것이다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 수 있다.
- ✗ 친구한테 내일 갈 것이다.
- 친구한테 내일 갈 거예요.
-것이다 không hướng đến người nghe. Khi nói với ai đó, dùng 거예요 hoặc 겁니다.
- ✗ 그는 이미 들을 것이다. — với ý “chắc anh ấy đã nghe rồi”
- 그는 이미 들었을 것이다.
Phòng đoán về việc đã xong thì đặt quá khứ vào bên trong: -았/었을 것이다.